

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM PỒ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HS-ST

Ngày: 27-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khoàng Văn Sơn

2. Ông Vàng A Hý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2022/TLST-HS ngày 06/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HS ngày 18/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/HSST-QĐ, ngày 29/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Giàng A D, sinh ngày 09/6/1984 tại huyện S, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Bản C 2, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng A V và bà Vàng Thị S (đã chết); Bị cáo có vợ là Tráng Thị L và 04 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2022 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo : Ông Lê Đình Thu, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã C, huyện Nậm Pồ.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Thào A K, chức vụ: Chủ tịch UBND xã C. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giàng A C, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã C (Văn bản ủy quyền số 19/TB-UBND, ngày 28/4/2022), có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Giàng Thị S, sinh năm 1991, vắng mặt.

Bà Thào Thị P, sinh năm 1963, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bản C 2, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên.

- *Người được Tòa án triệu tập*: Ông Chảo San S, sinh năm 1989, Kiểm lâm địa bàn xã C, Hạt Kiểm lâm huyện N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6/2021, Giàng A D đi làm cỏ nương đổi công cho Giàng Thị S và Thào Thị P ở cùng bản C 2, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên. Đến khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2021 (bị cáo không nhớ cụ thể ngày, tháng), Giàng A D đã chỉ dẫn S và P cùng với D, sử dụng dao quắm chặt phá toàn bộ độ che phủ của nhiều loại cây khác nhau, tại khu vực rừng tự nhiên thuộc bản C 2, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên liên tục trong 02 ngày thì S và P dừng lại, vì đã trả đủ công cho D. Còn D tiếp tục sử dụng dao quắm chặt phá thêm 01 ngày thì dừng lại, chờ cây khô sẽ đốt để lấy đất gieo trồng lúa. Đến ngày 18/01/2022, trong quá trình tuần tra khu vực rừng thuộc bản C 2, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã C và Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã đã phát hiện đám rừng bị D chặt phá có diện tích lớn. Ngày 19/01/2022, Hạt kiểm lâm huyện N phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 19/01/2022 (có bản ảnh kèm theo) đã xác định: Tổng diện tích rừng bị Giàng A D chặt phá là 7.505,58 m² (bảy nghìn năm trăm linh lăm phẩy năm mươi tám mét vuông), mức độ thiệt hại 100%. Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính, kích thước chiều dài khác nhau từ nhóm V đến nhóm VIII gồm: Vối thuốc, Ba soi, Dẻ, Hu đay... có **chiều cao trung bình vút ngọn là 8,57 m, đường kính trung bình là 10,37 cm**. Tổng khối lượng gỗ tròn bị chặt phá là 10,253 m³, khối lượng củi tận thu là 5,799 m³. Vị trí rừng bị chặt phá là khoảnh 13 tiểu khu 501, quy hoạch rừng sản xuất, trạng thái rừng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK) theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, thuộc bản C 2, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên do Ủy ban nhân dân xã C, huyện N quản lý.

Tại kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS, ngày 25/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản do Giàng A D gây ra là 21.375.850 (hai mươi một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi) đồng; không xác định được giá quyền sử dụng rừng.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSNP ngày 05/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Giàng A D về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị

cáo. Quá trình điều tra, bị cáo Giàng A D đã giao nộp vật chứng là 01 con dao quắm dài 90 cm, cán dao bằng gỗ dài 50 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40 cm là công cụ phạm tội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Giàng A D về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Giàng A D từ 27 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 90 cm. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A D nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ, đồng thời miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Giàng A D nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự trình bày: Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo là rõ ràng, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại.

Quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Giàng Thị S và Thào Thị P đều khai nhận vào khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2021, Giàng A D có bảo S và P đi phát nương trả công cho D. Tuy nhiên, vị trí phát nương là do D chỉ dẫn và nói là nương cũ của D, nên S và P không biết khu vực phát nương đã được quy hoạch là rừng sản xuất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Giàng A D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2021 (bị cáo không nhớ rõ ngày, tháng), bị cáo Giàng A D đã chỉ dẫn Thào

Thị S và Thào Thị P cùng với D, sử dụng dao quảm phát trắng toàn bộ diện tích 7.505,58 mét vuông (m^2) rừng tự nhiên. Trong đó, S và P phát liên tục trong 02 ngày thì dừng lại do đã trả đủ công cho D, còn D tiếp tục phát thêm 01 ngày thì dừng lại. Vị trí rừng bị chặt phá là khoảnh 13 tiểu khu 501, quy hoạch rừng sản xuất, trạng thái Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND, ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, thuộc bản C 2, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Mục đích bị cáo chặt phá rừng là để lấy đất làm nương, do trước đây là nương cũ bỏ hoang của bị cáo, gây thiệt hại về lâm sản là 21.375.850 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, Kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Giàng A D phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);”

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Giàng A D là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, không hiểu biết pháp luật, vì muốn có đất để canh tác nên đã chặt phá rừng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần là do bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, một phần là do xuất phát từ tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thuộc hộ nghèo nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về rừng là 20.000.000 đồng cho Nhà nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không

có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Giàng A D từ 27 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ. Do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, thì trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo là hộ nghèo (Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 210/GCN-HN.HCN, ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã C), điều kiện kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, thu nhập thấp, gia đình bị cáo là hộ nghèo, không có tài sản giá trị nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Xét đề nghị của người bào chữa: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Xét thấy, đề nghị của người bào chữa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 90 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40 cm, cán dao làm bằng gỗ dài 50 cm, đường kính 03 cm của bị cáo Giàng A D, là công cụ phạm tội.

Đối với các cây gỗ bị chặt phá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã giao Ủy ban nhân dân xã C, huyện N quản lý, do địa hình rừng núi khó khăn không vận chuyển được, các cây gỗ đã mục nát, không còn giá trị sử dụng nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 con dao găm do Thảo Thị P và Giàng Thị S sử dụng để chặt phá rừng, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được, Viện kiểm sát không đề cập, Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, **Điều 589 của Bộ luật dân sự**, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 21.375.850 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, còn phải bồi thường số tiền là 1.375.850 đồng.

[10] Đối với Thảo Thị P và Giàng Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, tại giai đoạn điều tra đều đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. S và P là người đã đi chặt phá rừng đồi công cho bị cáo vào 02 ngày trong khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2021. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xác minh làm rõ, P và S phá rừng theo sự chỉ dẫn của D và được bị cáo cho biết là nương của bị cáo, do đó những người này không biết vị trí phát là khu vực rừng, Viện kiểm sát không đặt vấn đề xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[12] Về án phí: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã C, huyện N là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo là hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

[13] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng A D phạm tội Hủy hoại rừng.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng A D 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban

nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, là nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Giàng A D cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 28/2022/LCCT-TA, ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Giàng A D.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Giàng A D phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 21.375.850 (hai mươi một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi) đồng, được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, theo Biên lai thu tiền số 0002816, ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 1.375.850 (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi) đồng.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm đã qua sử dụng, có tổng chiều dài 90 cm, trong đó cán dao bằng gỗ dài 50 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40 cm.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/7/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Giàng A D.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/9/2022, trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Bộ phận HSNV CA huyện N;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

